**2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

**a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)] | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)] |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chỉ huy trưởng công trường | 1 | tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 02 hợp đồng | Có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học chuyên ngành điện; từ 3 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng chuyên ngành điện; đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV<br>(Nhà thầu đính kèm tài liệu để chứng minh kinh nghiệm, năng lực) |
| 2 | Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công chuyên ngành điện | 1 | tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 02 hợp đồng | Tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành điện<br>(Nhà thầu đính kèm tài liệu để |

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)] | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)] |
|---|---|---|---|---|
| | | | | chứng minh kinh nghiệm, năng lực) |
| 3 | Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công chuyên ngành xây dựng | 1 | tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 02 hợp đồng | Tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành xây dựng<br>(Nhà thầu đính kèm tài liệu để chứng minh kinh nghiệm, năng lực) |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần

thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị | Số lượng tối thiểu cần có |
|---|---|---|
| 1 | Sào thao tác hoặc sào tiếp địa<br>- Thao tác trên lưới điện trung thế điện áp 22kV | 2 |
| 2 | Thiết bị kiểm tra (Amper kìm hoặc đầu thử điện, … )<br>- Thao tác trên lưới điện hạ áp | 2 |
| 3 | Xe tải cẩu hoặc xe cẩu (để vận chuyển vật tư và dụng cụ thi công) - Tải trọng từ 2,5T | 2 |

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

**2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):**

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc

và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:_____*[ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt]*.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví du: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng

tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

**1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| **1.1.** Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự tại văn phòng, trên công trường và thuyết minh sơ đồ, thể hiện rõ mối liên hệ, ghi rõ trách nhiệm của từng cá nhân (Giám đốc điều hành, chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, đội trưởng,…), trách nhiệm từng bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, vật tư, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường, các đội, tổ thi công; bộ phận làm hồ sơ thi công, hoàn công, nghiệm thu, quyết toán A-B. | Có sơ đồ, thuyết minh nêu đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu. | Đạt |
| | Có sơ đồ, thuyết minh nhưng trình bày chưa đầy đủ các nội dung | Chấp nhận được |
| | Không có sơ đồ, không có thuyết minh hoặc sơ đồ, thuyết minh sơ sài, thiếu thông tin, nội dung nêu không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| **1.2.** Mô tả các mặt công tác chuẩn bị thi công, thực hiện thi công, phối hợp trong quá trình thi công, phối hợp xử lý sự cố, xử lý phản ánh của khách hàng hoặc bên liên quan (nếu có) trong quá trình thi công, biện pháp đẩy nhanh | Có mô tả chi tiết rõ ràng, đầy đủ và đáp ứng yêu cầu Bên mời thầu | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| tiến độ, thu hồi vật tư thiết bị, … bao gồm cả các công việc sau:<br>+ Công tác chuẩn bị thi công, xây dựng kế hoạch tiến độ, xin phép xây dựng, thông báo thi công, phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị cơ sở, phối hợp với các bên liên quan trong quá trình thi công.<br>+ Tổ chức mặt bằng công trường (thiết bị thi công, lấy mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết thiết bị thi công, vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, chiếu sáng, điều tiết giao thông, biển báo, thông báo công trường, biển báo an toàn, cấp nước, thoát nước, giao thông liên lạc trong quá trình thi công)… | Có mô tả chi tiết rõ ràng nhưng còn thiếu một số nội dung | Chấp nhận được |
| | Không mô tả hoặc mô tả sơ sài, không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| (1.3). Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có Biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý hoặc có Biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý , không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| **1.4** Biện pháp an toàn vệ sinh môi trường, PCCN khi thi công | Có đủ biện pháp phù hợp quy định | Đạt |
| | Có biện pháp phù hợp nhưng chưa đầy đủ | Chấp nhận được |
| | Không có | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| **Kết luận** | Các tiêu chuẩn chi tiết từ **(1.1)** đến **(1.4)** được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được | **Đạt** |
| | Không thuộc trường hợp trên | **Không đạt** |

**2. 2. Tiến độ thi công:**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| 2.1. Tiến độ thi công tối đa là: **150 ngày** | ≤ **150 ngày** | Đạt |
| | > **150 ngày** | Không đạt |
| 2.2. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | **Đạt** |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 chi tiết đều được xác định là "đạt". | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**3. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| - Thời gian bảo hành | Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ **36 tháng** và có | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| 36 tháng<br>- Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành | thuyết minh chi tiết, đầy đủ chế độ bảo hành | |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ **36** tháng và có thuyết minh đáp ứng cơ bản nhưng chưa chi tiết | Chấp nhận được |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn **36 tháng** hoặc không có thuyết minh bảo hành | Không đạt |
| **Kết luận** | Tiêu chuẩn chi tiết 3 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**4. Chất lượng vật tư thiết bị (**gọi tắt là **VTTB) do Nhà thầu (**gọi tắt là **B) cấp:**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| 4.1. Phạm vi cung cấp | E-HSDT chào đầy đủ thông tin chủng loại, quy cách kỹ thuật chính, nhà sản xuất của các **VTTB B cấp** theo yêu cầu tại **Mẫu số 24** – Chương V. Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Đạt |
| | E-HSDT chào nhưng chưa đầy đủ thông tin chủng loại, quy cách kỹ thuật chính, nhà sản xuất của các **VTTB B cấp** theo yêu cầu tại **Mẫu số 24** – Chương V. Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Chấp nhận được |
| | Không thuộc trường hợp trên | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| 4.2. Biên bản thử nghiệm điển hình vật tư thiết bị B cấp (….) | Có cung cấp các Biên bản thử nghiệm điển hình các VTTB chủ yếu do B cấp với đầy đủ các hạng mục thử nghiệm theo yêu cầu E-HSMT, Nhà thầu có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu E-HSMT, thiết kế được duyệt trong trường hợp trúng thầu. | Đạt |
| | Có cung cấp nhưng còn chưa đầy đủ một số biên bản thử nghiệm hoặc còn thiếu một số hạng mục thử nghiệm các VTTB chủ yếu do B cấp theo yêu cầu của E-HSMT và nhà thầu có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu E-HSMT, thiết kế được duyệt trong trường hợp trúng thầu. | Chấp nhận được |
| | Không thuộc trường hợp trên | Không đạt |
| 4.3. Tất cả **VTTB B cấp** đưa vào sử dụng cho công trình đều phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng, mới 100%, và các tài liệu liên quan kèm theo đáp ứng yêu cầu theo thiết kế được duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. | Nhà thầu có cung cấp đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng của **VTTB B cấp** hoặc **có văn bản cam kết** đáp ứng yêu cầu và cung cấp nguồn gốc, xuất xứ trong trường hợp trúng thầu | Đạt |
| | Không thuộc trường hợp trên | Không đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết **(4.1), (4.2)** đạt hoặc chấp nhận được; chi tiết **(4.3)** được xác định là đạt. | **Đạt** |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | Đánh giá |
|---|---|---|
| **KẾT LUẬN:** | Không thuộc các trường hợp nêu trên | **Không đạt** |

### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm[1]:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^{k} t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$ = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

$w_{ji}$ = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

$k$ = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát "j", và

$$\sum_{i=1}^{k} w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

[1] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

$$T \equiv \sum_{j=1}^{n} S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$ = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát "j",

$W_j$ = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát "j",

$n$ = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^{n} W_j = 1$$

**3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt[2]:**

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

[2] Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.